

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 28-02-2023

V/v tranh chấp: “*Xin ly hôn, chia  
tài sản chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thơ**.

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Lưu Thị Thu Thủy**;

2/ Bà **Lâm Ngọc Tuyền**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Thị Liên** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “*Xin ly hôn, chia tài sản chung*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 298/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1970 ( có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Phương K, sinh năm 1964 ( có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Phương H, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Phạm Văn P1, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Phương K.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo án sơ thẩm.*

*Bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:*

Bà và ông K sống chung năm 1989, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 30/7/2004. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2009 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà có khuyên nhủ để sửa đổi nhưng không có kết quả, ông K nhiều lần có hành vi bạo lực bà nhưng vì thương con bà cố gắng hàn gắn tình cảm. Đến ngày 29/9/2018, bà dọn ra ở riêng, sống tại căn chòi trên thửa đất 263, 264 của vợ chồng trước đây cất để chăm sóc cây bưởi. Hiện nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Phương V, sinh ngày 24/8/1995 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 24/9/2000, hai con đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung: Bà P với ông K có tài sản chung là quyền sử dụng đất: thửa đất số 54, diện tích 558,6m<sup>2</sup> (qua đo đạc thực tế 537,2m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 6, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH08014 ngày 22/01/2015 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Phương K và bà Nguyễn Thị Kim P, đất tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang; thửa đất số 291, diện tích 1420,7m<sup>2</sup> (qua đo đạc thực tế 1420,7m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 33, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH08013 ngày 22/01/2015 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Phương K và bà Nguyễn Thị Kim P, đất tọa lạc tại ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang; 02 chiếc Kobe hiệu Hitachi, 03 chiếc máy cày xới loại lớn, 03 chiếc máy cày kéo. Ly hôn bà P yêu cầu chia tài sản chung như sau: Đối với thửa đất 291, 54 bà P thống nhất chia cho bà P được hưởng 4/10, ông K được hưởng 6/10 do đây là đất có nguồn gốc của bà Phạm Thị K1 là mẹ ruột của ông K cho bà và ông K. Bà P yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 291, giao ông K được nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 54, nếu có chênh lệch thì hoàn giá trị. Đối với 06 chiếc máy cày, 02 chiếc Kobe, bà P yêu cầu chia đôi, giao cho ông K số tài sản trên và bà xin nhận bằng giá trị đã định giá tại biên bản định giá tài sản ngày 05/9/2019, còn riêng 02 chiếc máy cày và 01 chiếc Kobe không định giá được thì bà tự đưa ra giá như sau: 02 chiếc máy cày giá 80.000.000 đồng/chiếc, 01 chiếc Kobe màu xanh giá 200.000.000 đồng/chiếc. Ngoài ra, bà P không yêu cầu phân chia gì khác.

Bà P rút lại yêu cầu chia thửa đất số 263, diện tích 50m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số H00253 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 16/5/2007 cho ông Nguyễn Phương K và bà Nguyễn Thị Kim P; thửa đất số 264, diện tích 710m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00252 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 16/5/2007 cho ông Nguyễn Phương K và bà Nguyễn Thị Kim P. Đồng thời, bà P cũng rút lại yêu cầu chia thửa đất số 103, diện tích 1035,8m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00068 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 19/4/2016 cho ông Nguyễn Phương K và bà Nguyễn Thị Kim P với lý do là vợ chồng đã tự thỏa thuận bán và tiến hành chia xong.

Ngoài ra, bà P còn trình bày: ngoài đất của mẹ chồng cho vợ chồng bà thì vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng khoảng 170m<sup>2</sup> (một sào bảy) của mẹ chồng với giá khoảng hơn hai mươi triệu đồng. Phần đất hơn một sào bảy này vợ chồng bà P nhập vào thửa 54 hiện nay (phần đất phía sau) để cho đất nhà được rộng hơn. Bà P cùng ông K còn nhận chuyển nhượng khoảng hơn 700m<sup>2</sup> đất ruộng nhưng bây giờ bà không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang ở đâu, do ông K nói không biết, bà trích lục ở Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G cũng không có nên bà không yêu cầu phần này. Do hai chiếc máy cày và 01 chiếc Kobe màu xanh không xác định được đang ở đâu, do ông K đem đi giấu nên bà P tự đưa ra giá 02 chiếc máy cày mỗi chiếc giá 80.000.000 đồng, chiếc Kobe màu xanh mà bà cũng cấp hình ảnh cho Tòa thì có giá 200.000.000 đồng. Bà P có đưa ra những người làm chứng chứng minh cho yêu cầu chia tài sản chung của bà, bà P còn khẳng định các chữ ký trong biên bản cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của bà, không đồng ý với kết luận giám định chữ ký của Công an tỉnh T, chữ ký bà có thể thay đổi qua thời gian, từng thời điểm bà ký khác nhau nên việc kết luận như vậy là không đúng nhưng bà không yêu cầu phải trưng cầu giám định lại. Vợ chồng bà đã cất nhà ra riêng trên phần đất mẹ chồng cho (thửa đất 54) từ khoảng 03 năm sau khi về sống chung từ năm 1989, sau đó vợ chồng có bỏ tiền ra sửa chữa lại, hiện nay ông K vẫn còn đang sống chung với các con trên nhà của vợ chồng cất, quá trình sống chung, ông K cũng không có nói gì với bà về việc xác nhận đây là tài sản mẹ chồng tặng cho riêng ông, tiền làm chung các bên vẫn sử dụng để sinh hoạt chung, chỉ từ khoảng năm 2016 đến nay là có mâu thuẫn nhưng bà P vẫn sống chung, ăn chung, chỉ đến năm 2018 bà P mới dọn ra ở riêng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Về việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông K đi làm, bà được nhà nước thông báo đến ấp để ký giấy cấp đổi, bà là người trực tiếp đi lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về đưa cho ông K cất giữ cho đến nay, vợ chồng bà cũng không ai phát sinh tranh chấp gì cho đến khi bà nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án.

Về nợ chung: Bà P tự xác định không có nợ chung.

Bà P thống nhất Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/9/2019, Biên bản định giá tài sản ngày 05/9/2019, Biên bản xác minh giá trị xe xóc đất (Kobe) và máy cày ngày 17/8/2022, Biên bản xác minh giá đất thực tế ngày 19/8/2022. Không yêu cầu gì giải quyết chi phí tố tụng cũng như không yêu cầu xem xét,

thẩm định và định giá tài sản lại. Bà P tự nguyện chịu án phí ly hôn. Ngoài ra, bà không có trình bày thêm ý kiến gì khác.

*\*Bị đơn ông Nguyễn Phương K và đại diện ủy quyền về tài sản là chị Trần Thị Kim P2 trình bày:*

Thống nhất với bà P về thời gian quen biết, tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn như bà P trình bày. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường hay cãi vã. Bà P và ông mâu thuẫn từ năm 2013, đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà P yêu cầu ly hôn, ông K đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Có 02 con chung như bà P trình bày. Các con hiện nay đang sống chung với ông và đã trưởng thành nên ông thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không thống nhất với lời trình bày của bà P.

Về động sản: Ông K chỉ có tài sản chung với bà P là 01 chiếc máy cày xới và 01 chiếc máy cày kéo, còn 02 chiếc máy xới và 02 chiếc máy kéo, 01 chiếc Kobe là tài sản của em ông tên Nguyễn Phương H; đến vụ cày thì ông H cho ông K thuê để cày; còn 01 chiếc Kobe thì ông K thuê theo giá thuê vụ mùa khô mỗi năm khoảng 1,5 tháng, ăn chia tiền lời. Còn 01 chiếc Kobe nữa mà bà P trình bày thì ông hoàn toàn không biết và từ trước đến nay ông với bà P không có mua sắm bất kỳ chiếc Kobe nào.

Về bất động sản: Ông K không đồng ý thừa đất 54, 291 là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án công nhận thừa 54, 291 mà bà P trình bày là tài sản riêng của ông, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện G điều chỉnh xóa tên bà Nguyễn Thị Kim P trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do như sau: Thừa 54, 291 nguồn gốc là thửa cũ 1688, 681 theo giấy chứng nhận cấp ngày 23/3/2004 cho ông K đứng tên. Đến năm 2015, đoàn đo đạc đến và yêu cầu cấp đổi bản đồ Vlap nên ông có làm đơn xin cấp đổi, khi ông làm đơn thì ông địa chính xã Phan Thanh B có đưa cho ông ký tên ở mục người viết đơn, lúc ông ký thì không có tên của bà P, nhưng ông không hiểu lý do vì sao lại có chữ ký của bà P ở mục người viết đơn và ông chưa từng có bất kỳ văn bản nào để đồng ý nhập tài sản của ông đứng tên thành tài sản chung với bà P. Do đó giấy cấp đổi số CH08013, CH08014 cấp ngày 22/01/2015 có ghi tên của bà P là hoàn toàn không đúng.

Ông K rút lại yêu cầu công nhận thừa đất số 263, diện tích 50m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00253 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 16/5/2007 cho ông Nguyễn Phương K và bà Nguyễn Thị Kim P; thửa đất số 264, diện tích 710m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00252 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 16/5/2007 cho ông Nguyễn Phương K và bà Nguyễn Thị Kim P là tài sản riêng.

Thửa 103 hiện nay đã chuyển nhượng cho người khác, đã làm thủ tục hoàn tất nên ông không có ý kiến tranh chấp.

Ngoài ra, ông K còn trình bày: Chữ ký trong đơn cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa 54 và 291 không phải của bà P, như vậy căn cứ Thông tư số 24 ngày 19/5/2014 của Bộ T1 phải có chữ ký thật của bà P, không thì đây là hành vi gian dối, sử dụng giấy tờ giả, từ trước giờ mẹ của ông K chỉ cho một mình ông K, không cho bất kỳ ai đứng tên vào tài sản của gia đình, hơn nữa năm 2013 vợ chồng ông K đã xảy ra mâu thuẫn thì hà cớ gì cho bà P đứng tên chung trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông K không có ý kiến gì về Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/9/2019 và Biên bản định giá tài sản ngày 05/9/2019 nhưng Tòa không mời ông H tham gia định giá, giá thực tế phải do Hội đồng định, chứ không phải do Tòa đi xác minh, các nhân chứng có một số là bà con của bà P, còn số còn lại thì không xác định được tài sản có được là mua thời gian nào, ở đâu, chỉ thấy vậy nên biết vậy. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của ông K, không chấp nhận việc chia 04 máy cày và 02 chiếc Kobe, ông K chỉ đồng ý nhận 02 chiếc máy cày và giao lại cho bà P  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản là 17.500.000 đồng (đối với hai chiếc máy cày này thì giá thống nhất theo Biên bản định giá tài sản ngày 05/9/2019). Ông K còn trình bày, trước đây vợ chồng ông có cho mẹ ông số tiền hơn hai mươi mấy triệu để cất nhà thờ, mẹ ông cho thêm ông hơn một sào đất phía sau nhà (thửa đất 54 hiện nay) cho rộng ra, ông khẳng định đây là mẹ cho con, chứ không có việc bán chát gì xảy ra.

Ông K không có yêu cầu giải quyết chi phí tố tụng.

Về nợ chung: Ông tự xác định không có nợ chung.

Ngoài ra, ông không trình bày gì khác.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phương H có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 16/8/2019 ông H trình bày: Ông là em ruột của ông Nguyễn Phương K, nhà ông và nhà ông K sát cạnh nhau nên thỉnh thoảng ông có đậu xe nhờ nhà ông K và khi đến vụ cày thì ông có cho ông K thuê ông K chạy cày cho ông. Ông có 04 chiếc máy cày gồm 02 máy xới và 02 máy kéo là tài sản riêng của ông, khi đến vụ ông có thuê ông K chạy cày cho ông, tiền thuê 1/3 số tiền lời mỗi vụ (trung bình mỗi vụ 5.000.000 đồng). Ngoài ra, ông có 01 chiếc Kobe hiệu Hitachi màu đỏ cam, ông cho ông K thuê từ năm 2010 để ông làm công cụ mưu sinh lo cho gia đình và các con ăn học, giá thuê tính theo mùa khô mỗi năm (1,5 tháng), tiền thuê 1/3 số tiền lời mỗi vụ. Hiện chiếc Kobe và 04 chiếc máy cày đang do ông quản lý, ông K đã giao trả cho ông, ông không yêu cầu gì trong vụ án này. Ngoài ra, ông không trình bày gì khác.*

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn P1 trình bày: Ông có mướn ruộng của ông K, ruộng nằm tại ấp Q. Ngoài ra, ông không trình bày gì khác.*

*\* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 298/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:*

*- Căn cứ các điều 228, 244, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

- Căn cứ vào các điều 33, 39, 43, 51, 56, 57, 58, 59, 62 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim P, công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Phương K.

### **2. Về tài sản chung:**

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim P về việc chia tài sản chung khi ly hôn:

\* Buộc ông Nguyễn Phương K có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị Kim P phần đất có diện tích 1420,7m<sup>2</sup>, loại đất lúa, thửa đất số 291, tờ bản đồ số 33, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH08013 ngày 22/01/2015 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Phương K và bà Nguyễn Thị Kim P, đất tọa lạc tại ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Võ Tấn P3.
- + Tây giáp đất ông Phùng Văn L.
- + Nam giáp đất ông Nguyễn Phương H.
- + Bắc giáp đất Bờ kênh, kênh.

\* Ông Nguyễn Phương K được quyền sở hữu, quyền sử dụng phần đất có đất diện tích 558,6m<sup>2</sup> (diện tích qua đo đạc thực tế 537,2m<sup>2</sup>), thửa đất số 54, tờ bản đồ số 6, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH08014 ngày 22/01/2015 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Phương K và bà Nguyễn Thị Kim P, đất tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (hiện ông K đang quản lý, sử dụng), có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Thanh Q, đường bê tông.
- + Tây giáp đất ông Nguyễn Phương H.
- + Nam giáp đất ông Nguyễn Phương H.
- + Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị Thanh Q, đường T.

(có sơ đồ vị trí kèm theo)

Bà Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Phương K số tiền chênh lệch các bất động sản là 126.088.000 đồng.

Ông Nguyễn Phương K được quyền sở hữu, sử dụng máy cày màu đỏ, nóc lưới, thùng 02m<sup>3</sup> màu xanh; Máy cày màu đỏ, nóc sắt màu trắng, thùng 02m<sup>3</sup> màu xanh; Máy cày lớn màu đỏ, không nóc, thùng 03m<sup>3</sup> màu xanh; Máy cày lớn (lắp ráp) màu đỏ có giàn xới và 01 chiếc kobe Hitachi màu cam đỏ (hiện ông K đang quản lý, sử dụng).

Ông Nguyễn Phương K có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền chênh lệch tài sản là động sản là 67.500.000 đồng.

Như vậy, cần trừ nghĩa vụ giữa ông K và bà P (chênh lệch các bất động sản và chênh lệch động sản) thì bà P có nghĩa vụ giao cho ông K số tiền 58.558.000 đồng.

Ông K, bà P có quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo qui định của Luật Đất đai và điều chỉnh lại hiện trạng sử dụng theo sơ đồ kèm theo (Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K và bà P theo quyết định của Bản án đã tuyên khi ông K và bà P có yêu cầu).

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà P yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa 263, 264, 103.

Đình chỉ một phần yêu cầu của ông K yêu cầu xác định tài sản riêng là quyền sử dụng đất thửa 263, 264.

Thực hiện giao tiền, giao đất ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

(Tổng giá trị tài sản bà P được hưởng là 509.692.000 đồng; Tổng giá trị tài sản ông K được hưởng là 730.788.000 đồng)

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Phương K về việc yêu cầu xác định thửa đất 54, 291 là tài sản riêng của ông, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện G điều chỉnh xóa tên bà Nguyễn Thị Kim P trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

\* Ngày 31/08/2022, bị đơn anh Nguyễn Phương K có đơn kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng:

1. Công nhận 02 thửa đất số 54 và 291 tờ bản đồ số 33, tọa lạc ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang là tài sản riêng của ông K.

2. Không đồng ý chia  $\frac{1}{2}$  giá trị 02 chiếc máy cày cho bà P.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông K thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo: ông yêu cầu cấp phúc thẩm xác định thửa đất số 54 và thửa 291 là tài sản riêng của ông. Còn các tài sản khác ông đồng ý chia như cấp sơ thẩm đã xử. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Kim P khởi kiện ông Nguyễn Phương K yêu cầu xin ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng là đúng theo qui định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Ông K kháng cáo cho rằng thửa đất số 54 và thửa 291 mà vợ chồng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản riêng của ông nên ông không đồng ý chia.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông K hội đồng xét xử nhận thấy: nguồn gốc 02 thửa đất trên do cụ Phạm Thị K1 tặng cho ông K vào năm 1991. Quá trình sử dụng đất ông K đã làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhiều lần. Đến năm 2015 thì vợ chồng ông cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đó ông K cũng không có ý kiến gì về việc vợ ông cùng đứng tên trong giấy tờ đất. Trên thửa đất 54 thì vợ chồng ông đã cất nhà sinh sống trên đất, hiện nay căn nhà này vẫn còn do ông K cùng các con đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra, bà P còn cho rằng vợ chồng có mua thêm 01 sào bảy của cụ K1 để mở rộng thửa 54, ông K không thừa nhận việc mua bán đất nhưng ông K thừa nhận có cho cụ K1 số tiền như vợ đã trình bày, sau đó cụ K1 có cho lại 1 sào bảy để mở rộng thửa 54. Như vậy ông K đã nhập toàn bộ phần đất thuộc thửa 54 trước đây vào phần đất mà cụ K1 đã cho thêm để vợ chồng cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà P cũng xác định nguồn gốc tài sản này của mẹ chồng cho, bà không có công sức tạo lập khối tài sản chung nhưng bà cũng có công gìn giữ bảo quản và làm tăng giá trị đất nên bà yêu cầu chia cho bà 4 phần là phù hợp. Cấp sơ thẩm xác định 02 thửa đất 54 và 291 do vợ chồng ông bà đứng tên là tài sản chung của vợ chồng và chia cho bà P thửa đất 291, chia cho ông K thửa 54, bà P có nghĩa vụ trả cho ông K số tiền chênh lệch của 02 thửa đất theo tỷ lệ 4/6 là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật.

Ông K kháng cáo cho rằng 02 thửa đất trên đây là tài sản riêng của ông nhưng ông không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình nên yêu cầu kháng cáo của ông là không có căn cứ chấp nhận.

Cũng tại tòa, ông K đồng ý chia cho bà P  $\frac{1}{2}$  giá trị các tài sản như máy cày, máy xới và K2 như cấp sơ thẩm đã xử nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông K không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phương K.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân sơ thẩm số 298/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- *Căn cứ các điều 228, 244, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;*
- *Căn cứ vào các điều 33, 39, 43, 51, 56, 57, 58, 59, 62 Luật hôn nhân gia đình;*
- *Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim P, công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Phương K.

#### **2. Về tài sản chung:**

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim P về việc chia tài sản chung khi ly hôn:

\* Buộc ông Nguyễn Phương K có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị Kim P phần đất có diện tích 1420,7m<sup>2</sup>, loại đất lúa, thửa đất số 291, tờ bản đồ số 33, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH08013 ngày 22/01/2015 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Phương K và bà Nguyễn Thị Kim P, đất tọa lạc tại ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Võ Tấn P3.
- + Tây giáp đất ông Phùng Văn L.
- + Nam giáp đất ông Nguyễn Phương H.
- + Bắc giáp đất Bờ kênh, kênh.

\* Ông Nguyễn Phương K được quyền sở hữu, quyền sử dụng phần đất có đất diện tích 558,6m<sup>2</sup> (diện tích qua đo đạc thực tế 537,2m<sup>2</sup>), thửa đất số 54, tờ bản đồ số 6, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH08014 ngày 22/01/2015 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Phương K và bà Nguyễn Thị Kim P, đất tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (hiện ông K đang quản lý, sử dụng), có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Thanh Q, đường bê tông.
- + Tây giáp đất ông Nguyễn Phương H.

- + Nam giáp đất ông Nguyễn Phương H.
- + Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị Thanh Q, đường T.  
(có sơ đồ vị trí kèm theo)

Bà Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Phương K số tiền chênh lệch các bất động sản là 126.088.000 đồng.

Ông Nguyễn Phương K được quyền sở hữu, sử dụng máy cày màu đỏ, nóc lưới, thùng 02m<sup>3</sup> màu xanh; Máy cày màu đỏ, nóc sắt màu trắng, thùng 02m<sup>3</sup> màu xanh; Máy cày lớn màu đỏ, không nóc, thùng 03m<sup>3</sup> màu xanh; Máy cày lớn (lắp ráp) màu đỏ có giàn xới và 01 chiếc kobe Hitachi màu cam đỏ (hiện ông K đang quản lý, sử dụng).

Ông Nguyễn Phương K có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền chênh lệch tài sản là động sản là 67.500.000 đồng.

Như vậy, cần trừ nghĩa vụ giữa ông K và bà P (chênh lệch các bất động sản và chênh lệch động sản) thì bà P có nghĩa vụ giao cho ông K số tiền 58.558.000 đồng.

Ông K, bà P có quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo qui định của Luật Đất đai và điều chỉnh lại hiện trạng sử dụng theo sơ đồ kèm theo (Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K và bà P theo quyết định của Bản án đã tuyên khi ông K và bà P có yêu cầu).

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà P yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa 263, 264, 103.

Đình chỉ một phần yêu cầu của ông K yêu cầu xác định tài sản riêng là quyền sử dụng đất thửa 263, 264.

Thực hiện giao tiền, giao đất ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

(Tổng giá trị tài sản bà P được hưởng là 509.692.000 đồng; Tổng giá trị tài sản ông K được hưởng là 730.788.000 đồng)

**3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Phương K về việc yêu cầu xác định thửa đất 54, 291 là tài sản riêng của ông, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện G điều chỉnh xóa tên bà Nguyễn Thị Kim P trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.**

#### 4/ Về án phí:

Bà P tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí HNGĐST và 24.387.680 đồng án phí DSST. Bà P đã nộp 11.326.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 40281 ngày 24/5/2019 và 6.300.000 đồng theo biên lai thu số 0016920 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên bà P còn phải nộp tiếp 7.061.680 đồng.

Ông K phải chịu 300.000 đồng án phí DSST đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận và 33.231.520 đồng án phí DSST. Ông K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 40394 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên ông K còn phải nộp tiếp 33.231.520 đồng.

Ông K phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT. Ông K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006411 ngày 31/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thơ**